

THỰC TRẠNG ỨNG PHÓ VỚI CHUYỂN GIÁ TRONG DOANH NGHIỆP FDI Ở VIỆT NAM

1. Các quy định pháp luật để ứng phó với chuyển giá ở Việt Nam

Những nội dung pháp lý liên quan đến ứng phó với chuyển giá ở Việt Nam lần đầu tiên được ghi nhận trong Thông tư số 74/1997/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”, do Bộ Tài chính ban hành vào năm 1997. Đến năm 1999, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/1999/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện các quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” thay thế Thông tư số 74/1997/TT-BTC. Năm 2001, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 13/2001/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” thay thế Thông tư số 89/1999/TT-BTC. Nội dung liên quan đến “chuyển giá” đề cập trong các thông tư này tập trung vào các giao dịch của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và việc xác định giá thị trường đối với các giao dịch của doanh nghiệp liên kết. Mặc dù trong vòng 4 năm, Bộ Tài chính đã liên tục ban hành 3 thông tư có các nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề chuyển giá, nhưng nhìn chung chưa có những thay đổi lớn giữa thông tư ban hành sau so với thông tư ban hành trước đó. Chẳng hạn Thông tư số 89/1999/TT-BTC chỉ làm rõ hơn về khái niệm “Hợp đồng giao dịch, mua bán không theo giá thị trường” và khái niệm “Doanh nghiệp/công ty liên kết” so với Thông tư số 74-TC/TCT-1997. Hoặc tại Thông tư số 74-TC/TCT-1997 và Thông tư số 89/1999/TT-BTC, vấn đề “Chống chuyển giá” được gọi tên là “Biện pháp chống chuyển giá” (mục IV) thì đến Thông tư số 13/2001/TT-BTC được sửa đổi bằng “Biện pháp xác định giá thị trường trong giao dịch giữa các doanh nghiệp liên kết”. Theo quy định tại các thông tư này, nếu phát hiện có các vấn đề bất hợp lý về giá hoặc tỷ suất lợi nhuận trong các giao dịch giữa các công ty liên kết, cơ quan thuế được áp dụng 3 phương pháp để xác định đúng lợi tức chịu thuế của doanh nghiệp, gồm phương pháp so sánh giá thị trường tự do; phương pháp sử dụng giá bán ra để xác định giá mua vào; phương pháp sử dụng giá thành toàn bộ để xác định lợi tức chịu thuế. Đối với các trường hợp phát hiện những bất lợi hợp lý về giá nhưng chưa có điều kiện áp dụng các biện pháp trên, các thông tư “khuyến khích” cơ quan thuế địa phương “cần thông báo để doanh nghiệp xuất trình các chứng từ có liên quan và yêu cầu

doanh nghiệp cam đoan bằng văn bản tính hợp pháp của các chứng từ đã cung cấp”. Nhìn chung, hiệu lực pháp lý của các Thông tư số 89/1999/TT-BTC và Thông tư số 74-TC/TCT-1997, Thông tư số 13/2001/TT-BTC chưa cao.

Sau khi có Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003 có hiệu lực từ ngày 1-1-2004, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 117/2005/TT-BTC “Hướng dẫn xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết”. Theo đó, có 5 phương pháp xác định giá thị trường trong giao dịch giữa các bên liên kết, là:

- Phương pháp so sánh giá **giao dịch độc lập**: Phương pháp này dựa vào đơn giá sản phẩm trong **giao dịch độc lập** để xác định đơn giá sản phẩm trong giao dịch liên kết khi các giao dịch này có điều kiện giao dịch tương đương nhau.

- Phương pháp giá bán lại: Phương pháp này dựa vào giá bán lại (hay giá bán ra) của sản phẩm do cơ sở kinh doanh bán cho bên **độc lập** để xác định giá (chi phí) mua vào của sản phẩm đó từ bên liên kết.

- Phương pháp giá vốn cộng lãi: Phương pháp này dựa vào giá vốn (hoặc giá thành) của sản phẩm để xác định giá bán ra của sản phẩm đó cho bên liên kết.

- Phương pháp so sánh lợi nhuận: Phương pháp này dựa vào tỷ suất sinh lời của sản phẩm trong các **giao dịch độc lập** được chọn để so sánh làm cơ sở xác định tỷ suất sinh lời của sản phẩm **trong** giao dịch liên kết khi các giao dịch này có điều kiện giao dịch tương đương nhau. Đây được xem là phương pháp mở rộng của phương pháp giá bán lại và giá vốn cộng lãi, nên có thể áp dụng đối chiếu trong trường hợp có những điều kiện tương tự.

- Phương pháp tách lợi nhuận: Phương pháp này dựa vào lợi nhuận thu được từ một giao dịch liên kết tổng hợp do nhiều cơ sở kinh doanh (hoặc bên) liên kết thực hiện để xác định lợi nhuận thích hợp cho từng cơ sở kinh doanh (hoặc bên) liên kết đó theo cách các bên **độc lập** thực hiện phân chia lợi nhuận trong các giao dịch **độc lập** tương đương. Giao dịch liên kết tổng hợp do nhiều cơ sở kinh doanh (hoặc bên) liên kết tham gia, là giao dịch mang tính chất đặc thù, duy nhất bao gồm nhiều giao dịch liên kết có liên quan chặt chẽ với nhau về các sản phẩm độc quyền hoặc các giao dịch liên kết khép kín giữa các bên liên kết có liên quan.

Năm 2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 66/2010/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết” thay thế Thông tư số 117/2005/TT-BTC. Thông tư số 66/2010/TT-BTC được coi là khung pháp lý tương đối toàn diện, được xây dựng trên cơ sở các hướng dẫn về định giá chuyển giao của OECD. Về cơ bản, Thông tư số 66/2010/TT-BTC đã điều chỉnh được các hành vi chuyển giá của các bên liên kết. Chẳng hạn, việc quy định các bên liên kết trong Thông tư số 66/2010/TT-BTC cụ thể hơn các quy định trước đây. Quy định về nguồn thông tin, dữ liệu mà cơ quan thuế được phép sử dụng để phân tích, so sánh giá chuyển giao về cơ bản đã phần nào đáp ứng được yêu cầu xác định giá thị trường, được cả phía doanh nghiệp và cơ quan thuế chấp nhận (điều tra của Tổng cục Thuế cho thấy qua thăm dò 533 doanh nghiệp, 58 cục thuế và 854 cán bộ, công chức ngành thuế, có 90% số doanh nghiệp, 85,96% số cục thuế, 82,27% số công chức ngành thuế cho rằng việc quy định về nguồn thông tin, dữ liệu được phép sử dụng để phân tích, so sánh, tính giá thị trường theo Thông tư số 66/2010/TT-BTC là đầy đủ, có tính khả thi và có tác dụng tích cực trong quản lý thuế). Các nội dung khác cũng được quy định cụ thể hơn, chẳng hạn: (i) quy định về khác biệt trọng yếu trong so sánh giao dịch liên kết với giao dịch độc lập đã được lượng hóa chứ không mang tính định tính như quy định trước đây, làm cơ sở cho việc hiểu và áp dụng thống nhất giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và giữa nội bộ cơ quan thuế với nhau; (ii) hướng dẫn về xác định giá thị trường đã được quy định riêng đối với trường hợp mua và trường hợp bán, bảo đảm thống nhất giữa nguyên tắc chung với việc hướng dẫn cụ thể về xác định giá thị trường; (iii) mẫu biểu kê khai thông tin giao dịch liên kết được quy định cụ thể, rõ ràng hơn, thuận tiện cho việc kê khai của người nộp thuế...

Thông tư số 66/2010/TT-BTC đánh dấu một bước tiến quan trọng có tác dụng tích cực trong quản lý việc định giá chuyển giao của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam, góp phần hạn chế tình trạng chuyển giá, trốn tránh nghĩa vụ thuế, góp phần bảo vệ lợi ích và quyền đánh thuế của Việt Nam và bảo đảm công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế giữa các doanh nghiệp. Ngoài ra, một số quy định liên quan đến chuyển giá (như hợp đồng chuyển nhượng, xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất...) còn được thể hiện rải rác ở một số văn bản pháp luật khác.

Ở cấp độ luật, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, có hiệu lực từ ngày 1-7-2013, một số nội dung mới liên quan đến chuyển giá được bổ sung các quy định về cơ chế thực hiện “Thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế” (gọi tắt là APA). Việc bổ sung cơ chế APA vừa tạo thuận lợi cho công tác thu thuế, chống thất thu thuế, vừa tạo chủ động cho doanh nghiệp FDI trong lập kế hoạch kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế.

Mặt khác, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế còn quy định tăng thời hiệu xử lý vi phạm pháp luật về thuế: Trước ngày 1-7-2007, các quy định về quản lý thuế trong đó có xử lý vi phạm pháp luật về thuế đều được quy định tại các luật, trong đó Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2003) quy định thời hiệu truy thu thuế là 5 năm trở về trước. Nhưng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (2013) tăng thời hạn áp dụng truy thu thuế là 10 năm, kể từ ngày kiểm tra phát hiện doanh nghiệp có sai phạm về nghĩa vụ thuế. Nâng mức xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn từ 10% lên 20%.

Bên cạnh đó, các quy định về cho phép cơ quan thuế tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế theo tiêu thức đánh giá rủi ro; theo chuyên đề, kế hoạch hằng năm và cho phép cơ quan thuế được phép thu thập các thông tin từ cơ quan thuế của những nước có ký kết hiệp định về thuế với Việt Nam cũng được quy định cụ thể trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.

Việc bổ sung một số nội dung mới và quan trọng nhằm ứng phó với chuyển giá trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (2013) tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế, chống thất thu ngân sách, nâng cao khả năng ứng phó với chuyển giá, đồng thời tạo sự chủ động cho doanh nghiệp FDI trong lập kế hoạch kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế.

2. Thực thi pháp luật liên quan đến chuyển giá

Ứng phó với tình trạng doanh nghiệp FDI chuyển giá đang ngày càng trở nên phổ biến tại Việt Nam là “cuộc chiến” khốc liệt và đầy khó khăn, ngành thuế đã có sự đầu tư về nhiều mặt để nâng cao khả năng ứng phó với chuyển giá.

Về công tác nhân lực, ngành thuế Việt Nam đã tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức cho cán bộ thuế các cấp học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức về nghiệp vụ thuế và vấn đề chuyển giá.

Về tổ chức bộ máy thực thi pháp luật, ngành thuế Việt Nam đã xây dựng bộ phận chuyên trách về thanh tra giá chuyển giao và thực thi việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp FDI có dấu hiệu chuyển giá ở cấp Tổng cục Thuế và ở 4 cục thuế địa phương có nhiều rủi ro liên quan đến giá chuyển giao là Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Bình Dương và Đồng Nai.

Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế các đã tăng cường các cuộc thanh tra chuyên đề về chuyển giá, xác định lại giá chuyển giao theo quy định của pháp luật, giảm “con số” lỗ của doanh nghiệp, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp... Chỉ tính trong 3 năm kể từ khi Tổng cục Thuế thành lập Tổ quản lý giá chuyển nhượng (năm 2012), ngành thuế đã phát hiện nhiều vụ việc chuyển giá, với giá trị điều chỉnh rất lớn. Chẳng hạn năm 2014, qua thanh tra chuyển giá tại 29 doanh nghiệp FDI, các cơ quan thuế đã buộc các doanh nghiệp này giảm lỗ gần 9.000 tỉ đồng, tính bình quân giảm lỗ gần 300 tỉ đồng/doanh nghiệp, truy thu gần 20 tỉ đồng/vụ phát hiện chuyển giá. Điển hình như trường hợp Công ty Dệt may HL, sau thanh tra đã điều chỉnh giảm lỗ gần 1.200 tỉ đồng, truy thu 78 tỉ đồng vào ngân sách, hoặc trường hợp của Công ty K.Vina, Công ty MC&C Việt Nam như trình bày ở trên. Năm 2016, qua thanh tra chuyển giá tại 329 doanh nghiệp FDI, ngành thuế đã điều chỉnh giảm lỗ của doanh nghiệp 5.162 tỉ đồng truy thu, truy hoàn và phạt 607 tỉ đồng.

Tổng cục Thuế cũng đã có chương trình hành động kiểm soát hoạt động chuyển giá giai đoạn 2012 - 2015, trọng tâm là phân tích rủi ro trong công tác quản lý giá chuyển giao; xử lý thông tin thu thập được phục vụ cho công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá và lưu trữ hồ sơ theo quy định; thu thập, nghiên cứu các dấu hiệu chuyển giá đang được các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam thực hiện... Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế đã và đang chỉ đạo mở rộng thanh tra chuyên đề chuyển giá, bao gồm những “đại gia” có vốn đầu tư lớn, doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá, doanh nghiệp có khoản hoàn thuế VAT lớn, doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về đầu tư, doanh nghiệp có khả năng phải chịu thuế nhà thầu.

3. Những khó khăn, bất cập và hạn chế về khả năng ứng phó với chuyển giá ở Việt Nam

Thứ nhất, bất cập và hạn chế về khung pháp lý. Chuyển giá là một vấn đề nhức nhối và phức tạp, song một thời gian dài, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động này chỉ được ban hành dưới dạng thông tư của Bộ Tài chính, dẫn đến hiệu lực thi hành chưa cao.

Thông tư số 66/2010/TT-BTC đưa ra hướng dẫn chi tiết về các phương pháp xác định giá chuyển giao theo nguyên tắc giá thị trường nhưng các hướng dẫn này còn nặng về lý thuyết nên việc thực hiện không dễ dàng do tính chất phức tạp và đa dạng của các giao dịch liên kết, cũng như khối lượng thông tin có liên quan khá lớn mà cán bộ thuế cần phải đối chiếu, xử lý. Về định nghĩa “bên liên kết”, so sánh với các hướng dẫn của OECD và nghiên cứu kinh nghiệm các nước khác, thì “bên liên kết” trong Thông tư số 66/2010/TT-BTC còn quá rộng, trong đó có các bên đáng lẽ là không liên kết, lại được xếp vào nhóm các bên liên kết. Chẳng hạn, một đối tác kinh doanh đóng góp 20% vốn sẽ “được” xem là “bên liên kết”, một nhà cung cấp cũng có thể bị coi là “bên liên kết” của một doanh nghiệp FDI nếu ít nhất 50% chi phí nguyên vật liệu hoặc sở hữu trí tuệ thuộc về nhà cung cấp đó, làm cho nhiều hoạt động kinh doanh thông thường cũng trở thành giao dịch với “bên liên kết”. Sự mở rộng này khiến việc xác định giá chuyển giao phức tạp hơn, làm tăng khối lượng các giao dịch cần kiểm tra thanh tra giá chuyển giao và do đó ảnh hưởng đến hiệu quả ứng phó với chuyển giá.

Thông tư số 66/2010/TT-BTC yêu cầu các dữ liệu, tài liệu, chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng làm căn cứ phân tích, so sánh giá thị trường phải là các thông tin có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để cơ quan thuế có thể kiểm tra, xác minh. Đồng thời, các dữ liệu đó phải được phản ánh dưới dạng có thể so sánh được. Yêu cầu này gây khó khăn cho doanh nghiệp bởi một doanh nghiệp không dễ tiếp cận các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp khác để có được các dữ liệu đối chiếu, so sánh giá thị trường. Thông tư số 66/2010/TT-BTC còn yêu cầu doanh nghiệp lập và lưu giữ thông tin, tài liệu, chứng từ có liên quan đến giao dịch liên kết khá rộng và nhiều, làm tăng thêm khối lượng công việc cho doanh nghiệp - trong một số trường hợp là không cần thiết.

Quy định về việc ấn định mức giá tính thuế trong Thông tư số 66/2010/TT-BTC có những điểm chưa rõ ràng và chưa “thuyết phục” về cơ sở pháp lý nên khó thực hiện. Mặt khác, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định về khung giá hay khung lợi nhuận hợp lý theo từng ngành (để xác định chính sách giá phù hợp) đã gây ra không ít khó khăn cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp trong quá trình giải quyết các tranh cãi về giá chuyển giao.

Chế tài xử phạt đối với trường hợp doanh nghiệp chưa kê khai giao dịch liên kết theo quy định của Thông tư số 66/2010/TT-BTC chưa được rõ. Chưa có quy định riêng về xử phạt hành vi chuyển giá, mà vấn đề này được quy định chung với các hành vi vi phạm khác về thuế và mức phạt cũng còn nhẹ nên chưa đủ sức răn đe. Những điều trên khiến cho quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá chưa hiệu quả.

Thứ hai, khó khăn từ chính sự phức tạp của vấn đề chuyển giá. Chuyển giá là một trong những vấn đề phức tạp nhất trong lĩnh vực thuế, về sâu xa, chuyển giá là việc chia quyền đánh thuế giữa các quốc gia. Về nguyên tắc, khi doanh nghiệp thực hiện hành vi chuyển giá, thu nhập sẽ được chuyển về quốc gia, vùng lãnh thổ có thuế suất thấp để tính thu nhập chịu thuế. Vì thế, trong khi một quốc gia bị thiệt hại về nguồn thu thuế, thì ở chiều ngược lại, một quốc gia khác lại có thể được hưởng lợi. Sự xung đột lợi ích như vậy khiến cho việc phối hợp quốc tế trong cuộc chiến chống chuyển giá không phải lúc nào cũng dễ dàng triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, do sự hấp dẫn về lợi ích kinh tế của chuyển giá cũng như vị thế và tính chất hoạt động xuyên biên giới của các tập đoàn đa quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, hoạt động chuyển giá luôn được các doanh nghiệp FDI lưu tâm và có tiềm năng trở thành một nghiệp vụ tài chính chiến lược. Do đó, hầu hết các doanh nghiệp FDI hoặc có bộ phận chuyên trách về chuyển giá hoặc thuê các công ty tư vấn tài chính xử lý hồ sơ để đối phó với các cơ quan chức năng tại các nước sở tại. Giao dịch liên kết của các doanh nghiệp FDI diễn ra đa dạng, phức tạp làm tăng thêm khó khăn cho việc ứng phó với chuyển giá.

Trong khi đó, cho đến nay, Việt Nam chưa xây dựng được một cơ sở dữ liệu đủ lớn về giá cả của các loại hàng hoá được giao dịch giữa các công ty độc lập và giữa các công ty liên kết với nhau. Do vậy, khi một nghiệp vụ mua bán nội

bộ xảy ra, các cơ quan chức năng rất khó trong việc tìm kiếm một nghiệp vụ mua bán tương đương giữa các công ty độc lập để so sánh và xác định xem nghiệp vụ đó có tuân theo nguyên tắc giá thị trường hay không. Điều này càng khó khăn hơn khi đối tượng giao dịch là các sản phẩm hay dịch vụ có tính chất đặc thù.

Thứ ba, bất cập từ khó khăn trong quản lý nghiệp vụ thuế có quan hệ liên kết, có giao dịch liên kết và nhận diện dấu hiệu chuyển giá. Luật quản lý thuế xác định việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế bao gồm: thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng các bộ tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; đề xuất, áp dụng các biện pháp quản lý thuế. Từ đó, cơ quan thuế ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ để đánh giá rủi ro về thuế. Hiện nay, việc thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp FDI nộp thuế chủ yếu dựa vào thông tin trên hồ sơ khai thuế. Do đó, việc xác định các doanh nghiệp có hay không có quan hệ liên kết theo quy định tại Thông tư số 66/2010/TT-BTC thực sự gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, việc thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp FDI nộp thuế chủ yếu dựa vào thông tin trên hồ sơ khai thuế. Do đó, việc xác định các doanh nghiệp đó có hay không có quan hệ liên kết gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, các trường hợp nêu trên chỉ được nhận biết qua thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp, trong khi đó số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra hàng năm không nhiều.

Việc thống kê các doanh nghiệp thuộc diện phải kê khai các giao dịch liên kết (mẫu GCN-01/QLT theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại Công văn số 1025/TCT-CC ngày 29-3-2011) cũng gặp nhiều khó khăn. Các cơ quan thuế thường khó phát hiện các trường hợp có phát sinh giao dịch liên kết nếu doanh nghiệp FDI nộp thuế không kê khai theo quy định. Việc kê khai giao dịch liên kết phụ thuộc hoàn toàn vào sự tự giác của doanh nghiệp FDI nộp thuế. Thực tế trên cho thấy còn quá nhiều đối tượng nằm ngoài tầm ngắm của cơ quan thuế về chống chuyển giá.

Thứ tư, khó khăn và bất cập từ thiếu hụt nguồn nhân lực. So với yêu cầu và tính chất phức tạp của hoạt động kiểm soát giá chuyển giao thì đội ngũ cán bộ thuế hiện nay chưa thể đáp ứng được. Số lượng cán bộ chuyên trách hoạt động trong lĩnh vực này còn mỏng, thường thiếu kiến thức và kinh nghiệm, các đơn vị chuyên trách về thanh tra giá chuyển giao chỉ có ở một vài địa phương và mới được thành lập. Hiện nay, ngành thuế còn thiếu những chuyên gia giỏi, hiểu biết

sâu, rộng về các ngành kinh tế, đặc biệt là những ngành đặc thù, phức tạp, có các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, để thực hiện việc phân tích hoạt động, phân tích việc xác định giá chuyển giao trong giao dịch liên kết. Việc đào tạo cán bộ có đủ năng lực làm việc trong lĩnh vực này - vốn đòi hỏi nhiều thời gian và công sức - chưa được đầu tư thích đáng. Do vậy, trong nhiều trường hợp, các cuộc thanh tra chuyển giá không theo các nguyên tắc và phương pháp tiếp cận kiểm soát chuyển giá, mà chủ yếu là kiểm tra chứng từ nên hiệu quả công việc không cao và gây ra những phiền hà cho đối tượng nộp thuế.

Thứ năm, bất cập từ quy định thẩm quyền của cơ quan thuế. Cho đến nay, cơ quan thuế chưa được giao thẩm quyền điều tra về thuế nên rất khó khăn trong đấu tranh chống chuyển giá. Một trong những cơ sở quan trọng để xác định hành vi có chuyển giá hay không và áp dụng phương pháp nào để xác định chuyển giá trong trường hợp có hành vi chuyển giá là phải có thông tin đầy đủ và đáng tin cậy về doanh nghiệp nộp thuế, song nếu không có thẩm quyền điều tra thì rất khó khăn trong thu thập thông tin. Ngành thuế Việt Nam hiện chưa có bộ phận chuyên trách về thu thập thông tin phục vụ hoạt động thanh tra thuế nói chung và chống chuyển giá nói riêng ở tầm quốc gia và trực tiếp xử lý các vấn đề thông tin ở tầm quốc tế.

Việc xử phạt đối với các trường hợp chuyển giá được quy định chung với các hành vi vi phạm khác về thuế (quy định tại Luật quản lý thuế hiện hành, tại Nghị định số 98/2007/NĐ-CP và Thông tư số 158/2013/TT-BTC) mà chưa có hình thức xử phạt riêng, nghiêm khắc hơn nên chưa đủ sức răn đe đối với doanh nghiệp FDI có hành vi chuyển giá tránh thuế (trường hợp cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên kết, thực hiện điều chỉnh giá làm giảm số lỗ của doanh nghiệp thì cũng không có chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với doanh nghiệp; trường hợp cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên kết, thực hiện điều chỉnh giá khiến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng lên thì doanh nghiệp cũng chỉ bị xử phạt kê khai sai (10%) và phạt chậm nộp (0,05%/ngày chậm nộp)). Các trường hợp chuyển giá dẫn tới số lỗ lũy kế bằng hoặc vượt số vốn chủ sở hữu cũng chưa có quy định bắt buộc người nộp thuế không được hoàn thuế giá trị gia tăng hoặc phải giải thể doanh nghiệp.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có (hoặc nghi vấn có) hành vi chuyển giá là công việc khó, phức tạp, tốn nhiều thời gian và nguồn

nhân lực để thu thập thông tin, phân tích, so sánh, loại trừ khác biệt ảnh hưởng đến đơn giá sản phẩm, lựa chọn phương pháp xác định giá thị trường... Tuy nhiên, theo quy định của Luật thanh tra, quy trình và thời gian thanh tra, kiểm tra thuế đối với hoạt động chuyển giá được quy định chung như thời gian thanh tra, kiểm tra thuế đối với các trường hợp thông thường khác mà không được phép kéo dài. Điều này khiến cho hoạt động thanh tra, kiểm tra về giá chuyển giao chưa đạt hiệu quả cao.

